TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117 /2020/KDTM - PT
Ngày: 23/7/2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Ngô Tuyết Băng**
Các Thẩm phán**:** **Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh**
Ông Lê Thanh Bình

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Ninh Việt Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Ông Nguyễn Trần Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử công khai phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số144/2020/TLPT - KDTM ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án số 02/2019/KDTM - ST ngày 09/7/2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, Hà Nội bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2020/QĐXXPT-KDTM/2020 ngày15/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 263/2020/QĐ-PT ngày 09/6/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 324/2020/QĐ-HPT ngày 30/6/2020 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A**

Trụ sở: Số 198-Trần Quang Khải - Phường Lý Thái Tổ - quận Hoàn Kiếm-Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hùng S, ông Thái Bá Đ, bà Nguyễn Thị Tuấn A, ông Trần Tuấn D (theo giấy ủy quyền số 203/UQ-SGD.QLNS ngày

28/5/2020 và giấy ủy quyền số 266/UQ-SGD.QLNS ngày 1/7/2020). (Có mặt ông Đ; Vắng mặt ông S, bà Tuấn A, ông D).

*** Bị đơn : Công ty cổ phần B**

Địa chỉ đăng ký kinh doanh: số 18 ngách 345 Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T- Giám đốc

(Vắng mặt)

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955
- Bà Trần Thị T, sinh năm 1959

Bà T ủy quyền cho Ông Nguyễn Văn T

Cùng trú tại:Số 7A tập thể Chương Dương, phường Chương Dương, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

(Ông T Vắng mặt)

-Ông Nguyễn Văn H- sinh năm: 1937. (Có mặt)

- Bà Nguyễn Thị Đ - sinh năm: 1938.
- Chị Nguyễn Thị H - sinh năm: 1961.

Ông Nguyễn Văn H, Bà Nguyễn Thị Đ,Chị Nguyễn Thị H ủy quyền cho anh Nguyễn Văn H. (Có mặt).

- Anh Nguyễn Văn H- sinh năm: 1963. (Có mặt)
- Anh Nguyễn Văn B- sinh năm: 1972. (Có mặt)
- Anh Nguyễn Văn Bát - sinh năm: 1974. (Có mặt)
- Chị Nguyễn Thị H - sinh năm: 1970. (Có mặt)
- Anh Nguyễn Việt A - sinh năm 2000. (Có mặt)
- Chị Nguyễn Thị Thu H - sinh năm 2002. (Vắng mặt)
- Chị Cấn Thị Minh T - sinh năm: 1976.
- Cháu Nguyễn Quốc V-sinh năm: 2005.
- Cháu Nguyễn Quốc H- sinh năm: 2009

Cháu V, cháu H do chị Cấn Thị Minh T đại diện theo pháp luật.

(Chị T có mặt).

- Chị Nguyễn Thị N- sinh năm: 1978.

- Cháu Nguyễn Long V- sinh năm: 2007.

- Cháu Nguyễn Thị Ngọc L- sinh năm: 2014.

Cháu L do chị Nguyễn Thị N đại diện theo pháp luật.

Cùng trú tại:Đội 6, xã Tự Nhiên, Huyện Thường Tín-Thành phố Hà Nội.

(Chị N có mặt).

- Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1930

Bà S ủy quyền cho anh Nguyễn Văn D.

(Có mặt).

- Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1930 (đã chết tháng 3/2019)

Những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Sỹ là:

- Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1930

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1960

Bà S, bà N ủy quyền cho ông Nguyễn Văn D

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1955

Cùng trú tại : Xóm 3, xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

(ông Dũng có mặt).

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955

Trú tại: Số 7A, tập thể Chương Dương, phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, các biên bản lấy lời khai đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:**

Ngày13/11/2013, Ngân hàng thương mại cổ phần A và Công ty cổ phần Bký Hợp đồng tín dụng hạn mức số: SME13234/HĐCTD.SGD với nội dung Ngân hàng cho Công ty cổ phần Bvay số tiền là: 8.000.000.000 đồng; Mục đính vay vốn: bổ sung vốn lưu động; Thời hạn vay: 06 tháng; Lãi suất vay trong hạn: 10%/Năm. Lãi suất vay quá hạn: bằng 130% lãi suất vay trong hạn là 13%/Năm. Sau khi ký kết hợp đồng ngân hàng thương mại cổ phần A đã giải ngân cho Công ty cổ phần Bsố tiền trên theo các Giấy nhận nợ số 01 ký ngày 15/11/2013; Giấy nhận nợ số 02 ký ngày 19/11/2013; Giấy nhận nợ số 03 ký ngày 31/12/2013.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty cổ phần Bđã vi phạm thời hạn thanh toán nợ như đã thỏa thuận trong hợp đồng, Ngân hàng đã chuyển nợ gốc sang nợ quá hạn từ ngày 15/05/2014. Tính đến hết ngày 30/11/2017 Công ty cổ phần Bcòn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền: 11.625.322.030 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 7.889.547.670 đồng ; Nợ lãi trong hạn: 2.886.184.406 đồng; Nợ lãi quá hạn: 849.589.954 đồng.

Tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay gồm :

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 36, tờ bản đồ số 05, địa chỉ: xóm 3, xã Tự nhiên, huyện Thường Tín, Hà Nội, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 942999, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 000136/TN do Ủy ban nhân dân huyện Thường Tín cấp ngày 30/9/2011 mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T. Theo Hợp đồng thế chấp số 13284.HĐTC/STB.SME ngày 24/10/2013 tại văn phòng công chứng Nguyễn Tú.

+ Quyền sử dụng đất tại thửa 32, tờ bản đồ số 05, địa chỉ: Đội 6, xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín, Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S850049, vào sổ cấp GCN QSDĐ số 332QSDD/1514.QĐH 21/12/01 do Ủy ban nhân dân huyện Thường Tín cấp ngày 21/12/2001 mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn H. Theo hợp đồng thế chấp số 13285.HĐTC/STB.SME ngày 24/10/2013 tại văn phòng công chứng Nguyễn Tú.

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc Công ty cổ phần Btrả ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng toàn bộ nợ gốc và nợ lãi phát sinh liên quan tới Hợp đồng cấp tín dụng nêu trên với tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 30/11/2017 là: 11.625.322.030đ. Trong đó : Nợ gốc 7.889.547.670đ; Nợ lãi trong hạn : 2.886.184.406đ; Nợ lãi quá hạn: 849.589.954đ. Trường hợp Công ty cổ phần đầu tư B thanh toán không đầy đủ hoặc không thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay để thu hồi nợ. Ngoài ra, Công ty cổ phần Bphải thanh toán toàn bộ số tiền lãi phát sinh cho đến thời điểm thanh toán xong toàn bộ số tiền gốc với lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng.

*** Bị đơn Công ty cổ phần Btrình bày*:***

Công ty nhất trí với ý kiến của nguyên đơn trình bày ở trên về thời gian ký kết các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp, Công ty xác nhận hiện công ty còn nợ các khoản nợ gốc, nợ lãi như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên do tình hình kinh doanh của Công ty hiện gặp nhiều khó khăn, dẫn đến không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng.

Nay Công ty xin được trả dần khoản nợ trên cho Ngân hàng cụ thể:

- Mỗi tháng công ty sẽ trả cho Ngân hàng 1.000.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc và đề nghị Ngân hàng miễn toàn bộ lãi phạt và giảm 50% lãi trong hạn cho Công ty.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T trình bày:** Ông bà có dùng tài sản của mình là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 942999, vào sổ cấp GCN số: 000136/T.N ngày 30/09/2011 tại địa chỉ: Xóm 03, xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín, Hà Nội thế chấp cho Ngân Hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 13284.HĐTC/STB.SME ký ngày 24/10/2013 để đảm bảo cho khoản vay của Công ty cổ phần đầu tư B. Nay ngân hàng khởi kiện ông, bà đề nghị Công ty phải có nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho Ngân hàng và đề nghị Ngân hàng miễn giảm lãi cho Công ty và đề nghị Ngân hàng giải chấp tài sản thế chấp trả cho ông, bà

*** Ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn B anh Nguyễn Văn Bát, cháu Nguyễn Việt A, chị Cấn Thị Tuyết, chị Nguyễn Thị N, Chị Nguyễn Thị H, Anh Nguyễn Văn D là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị S thống nhất trình bày:** Các anh, chị đề nghị ngân hàng tạo điều kiện về thời gian, xem xét miễn giảm lãi cho Công ty để Công ty có điều kiện trả nợ cho Ngân hàng. Sau khi Công ty trả nợ cho Ngân hàng, thì đề nghị Ngân hàng giải chấp tài sản trả cho gia đình các anh, chị.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST ngày 09/7/2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A đối với Công ty cổ phần đầu tư B.

Buộc Công ty cổ phần Bphải có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng A tính đến ngày 09/7/2019 số tiền nợ gốc là: 7.889.547.670 đồng; Nợ lãi là: 5.402.441.304 đồng. Tổng cộng là 13.291.988.974 đồng.

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm, Công ty cổ phần Bcòn phải tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên cho đến khi thực tế thanh toán xong nợ gốc.

Trong trường hợp Công ty cổ phần Bkhông thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên phát mại các tài sản thế chấp sau:

+ Tài sản 1: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 942999, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 000136/TN ngày 30/9/2011 tại địa chỉ xóm 3, xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín, Hà Nội thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T.

+ Tài sản 2: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S850049, vào sổ cấp GCN QSDĐ số 332QSDD/1514.QĐH21/12/01 ngày 21/12/2001; địa chỉ: Đội 6, xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín, Hà Nội. Tài sản này thuộc sở hữu của hộ gia đình ông Nguyễn Văn H**.** Đối với tài sản thế chấp này là quyền sử dụng đất khi kê biên phát mại thì việc xử lý các tài sản gắn liền với đất được thực hiện theo khoản 3 Điều 19 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị Định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Trường hợp số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ trả nợ và các chi phí phát sinh khác (nếu có), Công ty cổ phần Bvẫn tiếp tục nhận nợ số tiền còn thiếu và có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm ngày 22/7/2019 anh Nguyễn Việt A, chị Cấn Thị Minh Tuyết, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Việt A, chị Cấn Thị Minh Tuyết, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị N chỉ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án xem xét

đối với phần xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa 32, tờ bản đồ số 05, địa chỉ: Đội 6, xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín, Hà Nội.

Các đương sự đều xác nhận ngoài các tài liệu đã xuất trình cho Tòa án thì không còn chứng cứ nào khác để xuất trình cho Tòa án và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phúc thẩm trình bày quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án theo trình tự luật định, các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nhận thấy các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, về hình thức, nội dung phù hợp với quy định của pháp luật. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó các hợp đồng phát sinh hiệu lực đối với các bên, nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Việt A, chị Cấn Thị Minh Tuyết, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị N. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm; Về án phí các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Đơn kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Việt A, chị Cấn Thị Minh Tuyết, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị N, làm trong thời hạn luật định. Sau khi kháng cáo những người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, nên việc kháng cáo là hợp lệ.Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội giải quyết là đúng thẩm quyền.

1.1. Về người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự trong vụ án. Nhưng tại phiên tòa hôm nay Công ty cổ phần Bdo ông Nguyễn Văn T đại diện theo pháp luật; ông Nguyễn Văn T; Bà Nguyễn Thị T do ông Tiến đại diện theo ủy quyền; Chị Nguyễn Thị Thu H;ông Nguyễn Hùng S, ông Trần Tuấn D, bà Nguyễn Thị Tuấn A, đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2].Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Việt A, chị Cấn Thị Minh Tuyết, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị N. Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng cấp tín dụng số SME 13234/HĐCTD.SGD ngày 13/11/2013 ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương và Công ty cổ phần Bđược các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, về hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, nên phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc công ty cổ phần B phải thanh toán trả nợ gốc, lãi tính đến ngày 9/7/2019 cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền là : 13.291.988.974 đồng. Trong đó nợ gốc là : 7.889.547.670 đồng; Nợ lãi là: 5.402.441.304 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị, nên hội đồng xét xử không xem xét.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay gồm:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 36, tờ bản đồ số 05, địa chỉ: xóm 3, xã Tự nhiên, huyện Thường Tín, Hà Nội, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 942999, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 000136/TN do Ủy ban nhân dân huyện Thường Tín cấp ngày 30/9/2011 mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T. Theo Hợp đồng thế chấp số 13284.HĐTC/STB.SME ngày 24/10/2013 tại văn phòng công chứng Nguyễn Tú.

+ Quyền sử dụng đất tại thửa 32, tờ bản đồ số 05, địa chỉ: Đội 6, xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín, Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S850049, vào sổ cấp GCN QSDĐ số 332QSDD/1514.QĐH 21/12/01 do Ủy ban nhân dân huyện Thường Tín cấp ngày 21/12/2001 mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn H. Theo hợp đồng thế chấp số 13285.HĐTC/STB.SME ngày 24/10/2013 tại văn phòng công chứng Nguyễn Tú.

Anh Nguyễn Việt A, chị Cấn Thị Minh Tuyết, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị N kháng cáo cho rằng việc ông Nuyễn Văn Hợi, bà Nguyễn Thị Đ, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn Bát ký hợp đồng ủy quyền cho ông Nguyễn Văn B ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất tại Đội 6, xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín, Hà Nội để đảm bảo cho khoản vay của Công ty cổ phần Blà không hợp pháp vì thời điểm đó các anh, chị cũng là thành viên của gia đình nhưng không ký văn bản ủy quyền cho ông Biên. Hội đồng xét xử xét thấy, tài liệu có trong hồ sơ thể hiện ngày 15/4/2012 ông Nguyễn Văn H có đơn gửi Công an xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín, Hà Nội xin xác nhận với nội dung:

“…. Tôi đề nghị Công an xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín, Hà Nội xác nhận nhân khẩu của gia đình tôi tại thời điểm cấp giấy chứng nhận của thửa 32 tờ bản đồ 05 tại đội 6 xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín, Hà Nội hộ gia đình tôi gồm: ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Đ, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn B, anh Nguyễn Văn Bát. Tôi xin cam đoan những thông tin trên là hoàn toàn đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật…” Trưởng Công an xã tự nhiên ông Nguyễn Văn Ánh đã ký và đóng dấu ngày 15/4/2012.

Ngày 16/4/2012, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn Bát đã ký hợp đồng ủy quyền cho anh Nguyễn Văn B với nội dung: “ …..Đồng ý cho anh Biên được quyền nhân danh các ông bà quản lý sử dụng, chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, thế chấp để cho chính mình vay vốn, bảo lãnh cho nghĩa vụ trả nợ của bên thứ ba khi có phát sinh với Ngân hàng và các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật….” . Hợp đồng ủy quyền được lập tại văn phòng công chứng bảo Minh, xét thấy về hình thức, nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, nên phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm Anh Nguyễn Việt A, chị Cấn Thị Minh Tuyết, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị N đều không có ý kiến thắc mắc gì về việc ký kết hợp đồng thế chấp của anh Biên và cũng không có yêu cầu độc lập đề nghị xem xét hợp đồng thế chấp. Căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì yêu cầu kháng cáo của Anh Nguyễn Việt A, chị Cấn Thị Minh Tuyết, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị N vượt quá phạm vi xét xử phúc thẩm, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét thấy, các hợp đồng thế chấp được các bên ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, về hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, các tài sản thế chấp đều được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định của pháp luật, nên Hợp đồng phát sinh hiệu lực đối với các bên. Trường hợp Công ty cổ phần Bkhông thanh toán hoặc thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng số tiền nợ trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

Tuy nhiên, Hợp đồng thế chấp số 13285.HĐTC/STB.SME ngày 24/10/2013 thể hiện các bên chỉ thỏa thuận thế chấp quyền sử dụng đất, do vậy các tài sản trên thửa đất số 32, tờ bản đồ số 05, địa chỉ: Đội 6, xã Tự Nhiên, huyện Thường

Tín, Hà Nội sẽ được giải quyết khi thi hành án theo quy định tại mục 4 khoản 19 Điều 1 nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Anh Nguyễn Việt A, chị Cấn Thị Minh Tuyết, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị N.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ nên được chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của Anh Nguyễn Việt A, chị Cấn Thị Minh Tuyết, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị N không được chấp nhận, nên những người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 30, 220; Điều 227 và khoản 1 Điều 308; Điều 314 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 302,305,342,344,351,471,476,478,715,721 Bộ luật dân sự năm 2005.

Áp dụng Điều 91 và Điều 98 Luật tổ chức tín dụng.

Áp dụng mục 4 khoản 19 Điều 1Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/2/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST ngày 09/7/2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng cổ phần thương mại A đối với Công ty cổ phần đầu tư B.

2. Buộc Công ty cổ phần Bphải thanh toán trả cho Ngân hàng cổ phần thương mại A số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng cấp tín dụng số SME 13234/HĐCTD.SGD ngày 13/11/2013, tạm tính đến ngày 09/7/2019 là: 13.291.988.974 đồng (Mười ba tỷ hai trăm chín mươi mốt triệu chín trăm tám mươi tám nghìn chín trăm bảy mươi tư đồng). Trong đó:

+ Nợ gốc là:7.889.547.670 đồng

+ Nợ lãi trong hạn là: 4.168.235.902 đồng

+ Nợ lãi quá hạn là:1.234.205.402 đồng.

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/7/2019) Công ty cổ phần Bcòn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo

mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Trường hợp Công ty cổ phần Bkhông thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ trên cho Ngân hàng cổ phần thương mại A, thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 36, tờ bản đồ số 05, địa chỉ: xóm 3, xã Tự nhiên, huyện Thường Tín, Hà Nội, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 942999, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 000136/TN do Ủy ban nhân dân huyện Thường Tín cấp ngày 30/9/2011 mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T. Theo Hợp đồng thế chấp số 13284.HĐTC/STB.SME ngày 24/10/2013 tại văn phòng công chứng Nguyễn Tú.

+ Quyền sử dụng đất tại thửa 32, tờ bản đồ số 05, địa chỉ: Đội 6, xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín, Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S850049, vào sổ cấp GCN QSDĐ số 332QSDD/1514.QĐH 21/12/01 do Ủy ban nhân dân huyện Thường Tín cấp ngày 21/12/2001 mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn H. Theo hợp đồng thế chấp số 13285.HĐTC/STB.SME ngày 24/10/2013 tại văn phòng công chứng Nguyễn Tú.

Các tài sản trên thửa đất này sẽ được giải quyết khi thi hành án theo quy định Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì các tổ chức, cá nhân đang kinh doanh, sinh sống, sinh hoạt dưới mọi hình thức trên tài sản thế chấp có nghĩa vụ chuyển đi nơi khác để thi hành án.

Trường hợp việc phát mại tài sản thế chấp chưa thanh toán hết các khoản nợ trên thì Công ty cổ phần Bcòn phải thanh toán tiếp cho đến khi trả hết số nợ trên.

4. Về án phí:

+ Án phí sơ thẩm: Công ty cổ phần Bphải chịu 120.291.989 đồng. Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 59.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 08177 ngày 28/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, Hà Nội.

+ Án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Việt A, chị Cấn Thị Minh Tuyết, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị N mỗi người phải chịu 2.000.000 đồng, được trừ

vào 2.000.000 đồng các anh chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006165, 0006164,0006163, 0006162 ngày 25/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Thanh Xuân, Hà Nội;
- Tòa án ND quận Thanh Xuân, Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Tuyết Băng

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thúy Hạnh. Lê Thanh Bình. Ngô Tuyết Băng.

Nơi nhận:
-VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Thanh Xuân, Hà Nội;
- Tòa án ND quận Thanh Xuân, Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Tuyết Băng

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thúy Hạnh. Lê Thanh Bình. Ngô Tuyết Băng.

Nơi nhận:
-VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Thanh Xuân, Hà Nội;
- Tòa án ND quận Thanh Xuân, Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Tuyết Băng

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thúy Hạnh. Nguyễn Thị Thanh Thủy. Ngô Tuyết Băng.

Nơi nhận:
-VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Thanh Xuân, Hà Nội;
- Tòa án ND quận Thanh Xuân, Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Tuyết Băng